TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:62/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2017
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín,

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hùng Cường,

Ông Trần Văn Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Giỏi Mạnh Phi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 07 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 113/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017, Thông báo dời ngày xét xử ngày 14 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017, Thông báo dời ngày xét xử ngày 22 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *NgU đơn:* Ông Nguyễn Duy Q - Sinh năm: 1977, (có mặt),

Địa chỉ: Thôn P, xã T, D, Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Bà Lê Nguyễn Thị Châu T - Sinh năm: 1976, (có mặt),

Địa chỉ: Thôn P, xã T, D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 22/3/2017, bản tự khai ngày 21/4/2017, ngU đơn ông Nguyễn Duy Q trình bày: Ông và bà Lê Nguyễn Thị Châu T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 12/3/2008. Ông và bà T chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xU kình cãi,

hai bên không thể khắc phục được mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau. Nay ông nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có hai con chung là Nguyễn Như Q (*sinh ngày 20/6/2008)* và Nguyễn Quỳnh U (*sinh ngày 25/7/2014)*. Ông Q yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Như Q và đồng ý để bà T trực tiếp nuôi Nguyễn Quỳnh U. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q xác định không có nợ chung với bà T và không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung.

Tại bản tự khai ngày 05/5/2017, bị đơn bà Lê Nguyễn Thị Châu T trình bày: Bà và ông Q có mâu thuẫn, không chung sống với nhau từ tháng 3/2016 đến nay. Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Duy Q.

Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T xác định không có nợ chung với ông Q và không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như đã trình bày trên. Trong phần tranh tụng tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy Q và bà Lê Nguyễn Thị Châu T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Q và bà T đều xác định không thể khắc phục được mâu thuẫn và không còn tình cảm với nhau, hai bên không còn chung sống với nhau. Bà T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Q. Việc thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Duy Q và bà Lê Nguyễn Thị Châu T là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Duy Q, bà Lê Nguyễn Thị Châu T cùng thống nhất thỏa thuận là bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Như Q (sinh ngày 20/6/2008) và Nguyễn Quỳnh U (sinh ngày 25/7/2014), phù hợp với nguyện vọng của Nguyễn Như Q về người trực tiếp nuôi con. Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; ông Q cấp dưỡng nuôi hai con chung theo định kỳ, mức cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Xét việc thỏa thuận nuôi con chung và cấp

dưỡng nuôi con chung của các đương sự hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q, bà T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: ông Nguyễn Duy Q phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (quy định về án phí và lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Duy Q và bà Lê Nguyễn Thị Châu T.

2.Về con chung :

- Bà Lê Nguyễn Thị Châu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Như Q (sinh ngày 20/6/2008) và Nguyễn Quỳnh U (sinh ngày 25/7/2014).

- Ông Nguyễn Duy Q cấp dưỡng nuôi con chung cho bà T theo định kỳ, mức cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi.

- Ông Nguyễn Duy Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Duy Q nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Q đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0018014, ngày 11/4/2017. Do đó, ông Q đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Duy Q nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án hoặc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận**:*
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã T (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Tín